

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

ĐAN TUẤN ANH

**CHÍNH SÁCH KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ
DOANH NGHIỆP NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH:
NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP DOANH NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Chuyên ngành : Quản lý kinh tế

Mã số: 9 34 04 10

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2018

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS TS Lê Xuân Bá

Phản biện 1: GS. TS Nguyễn Bách Khoa

Phản biện 2: PGS.TS Trần Đình Thiên

Phản biện 3: PGS.TS Đinh Văn Thành

Luận án sẽ được bảo vệ trước hội đồng đánh giá luận án cấp Viện, họp tại: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương vào hồi.... giờ, ngày...tháng ..năm 2018

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN
QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ**

1. Đan Tuấn Anh (2014), “Vai trò của công nghệ thông tin trong việc nâng cao hiệu quả quản trị quan hệ khách hàng“, Tạp chí Nghiên cứu Thương mại, (10).
2. Đan Tuấn Anh (2014), “Ảnh hưởng của công nghệ thông tin đến hoạt động quản trị khách hàng của doanh nghiệp“, Tạp chí Khoa học Đại học Hải Phòng, (04).
3. Đan Tuấn Anh (2017), “Năng lực cạnh tranh các doanh nghiệp Hải Phòng- Thực trạng và giải pháp“, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, 34(674).
4. Đan Tuấn Anh (2018), “Đề xuất một số giải pháp hỗ trợ hoạt động đối với Doanh nghiệp Hải Phòng“, Tạp chí Khoa học Đại học Hải Phòng, (26-1).
5. Đan Tuấn Anh (2018), “Hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố Hải Phòng“, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, 1(677).

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường, doanh nghiệp là một bộ phận chủ yếu tạo ra GDP, có tính quyết định trong việc giữ vững nhịp độ tăng trưởng kinh tế ổn định ở mức cao và tác động tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, tạo việc làm và nâng cao mức sống xã hội. Một trong những yếu tố chính làm tăng quy mô GDP phải kể đến là sự phát triển của hệ thống doanh nghiệp và việc nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Đối với Việt Nam, sự phát triển, tăng trưởng kinh tế đất nước gắn với quá trình hình thành và phát triển của DN. Đến năm 2017, cả nước đã có trên 700.000 DN, các DN đã góp phần quan trọng trong tăng trưởng GDP, cung ứng các sản phẩm cho nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và phục vụ xuất khẩu, giải quyết việc làm, tạo thu nhập và nâng cao mức sống nhân dân, thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

Xác định rõ vai trò của DN trong chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam trong thời kỳ CNH, HĐH, Nghị quyết TW 5 khóa 12 đã xác định mục tiêu “Phần đầu đến năm 2020 có ít nhất 1 triệu doanh nghiệp; đến năm 2025 có trên 1,5 triệu doanh nghiệp và đến năm 2030 có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp” [79] với định hướng “kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế”[79]. Để thực hiện mục tiêu phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các DN đòi hỏi Nhà nước phải xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân, khuyến khích phát triển doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế ngày càng sâu, rộng của Việt Nam.

Hải Phòng là thành phố cảng, đầu mối giao thông quan trọng giao lưu kinh tế trong nước và quốc tế, trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ lớn của Việt Nam, cực tăng trưởng trong vùng kinh tế động lực phía Bắc. Theo báo cáo của Sở KHĐT và cục Thống kê, đến hết năm 2017 trên địa bàn Hải Phòng đã có trên

35,000 DN ra đời và trên 16,000 DN đang hoạt động [65]. Các doanh nghiệp đã góp phần quyết định trong tăng trưởng kinh tế xã hội của thành phố. Tuy nhiên, trên thực tế, số lượng DN chưa nhiều, tỷ lệ DN đăng ký đi vào hoạt động không cao (< 50%), quy mô doanh nghiệp nhỏ, năng lực cạnh tranh thấp, hiệu quả kinh doanh thấp... vì vậy để DN Hải Phòng nâng cao NLCT, có nhiều việc phải làm, nhưng một trong những việc chính quyền thành phố phải làm ngay là hoàn thiện chính sách kinh tế hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao NLCT.

Theo định hướng phát triển thành phố đến năm 2025 thành phố cần có trên 50.000 doanh nghiệp, tỷ lệ DN đăng ký đi vào hoạt động phải đạt trên 70%, phải có nhiều DN mạnh, năng lực cạnh tranh cao, và vì vậy thành phố cần có những cơ chế, chính sách kinh tế đủ mạnh, thiết thực hỗ trợ DN nâng cao NLCT.

Trong bối cảnh đó, với mong muốn có một công trình nghiên cứu khoa học để đóng góp cho sự phát triển của thành phố Hải Phòng, thực hiện thắng lợi những mục tiêu phát triển kinh tế xã hội thành phố: “Phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh, tạo sự phát triển nhanh, đột phá để xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm dịch vụ, công nghiệp lớn có sức cạnh tranh cao” [81] mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XV đã đề ra để Hải Phòng thực sự là một động lực quan trọng cho vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ phát triển với tốc độ nhanh NCS lựa chọn Đề tài: “*Chính sách kinh tế của Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh: Nghiên cứu trường hợp doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hải Phòng*”.

2. Mục đích và ý nghĩa của việc nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là hoàn thiện chính sách kinh tế của Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng nâng cao năng lực cạnh tranh. Để đạt được mục tiêu trên, Luận án tập trung vào các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau:

- Nghiên cứu những luận điểm khoa học về chính sách kinh tế Nhà nước, NLCT của doanh nghiệp, các chính sách kinh tế Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao NLCT.

- Phân tích thực trạng chính sách kinh tế của Nhà nước Trung ương và chính quyền Hải Phòng hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn nâng cao NLCT giai đoạn 2005-2017 trên cơ sở đó khái quát những kết quả đạt được, tìm ra những tồn tại, nguyên nhân của những tồn tại.

- Đánh giá sự tác động của các nhân tố vĩ mô, vi mô, chính sách kinh tế của Nhà nước tác động đến sự phát triển của DN Hải Phòng từ đó làm rõ những thách thức cũng như cơ hội phát triển đối với DN Hải Phòng trong giai đoạn 2020-2025. Trên cơ sở đó đề xuất “Giải pháp hoàn thiện chính sách kinh tế của Hải Phòng hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn nâng cao năng lực cạnh tranh – giai đoạn 2020-2025 định hướng 2030”.

2.2. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề tài

- Về mặt khoa học:

Hệ thống hóa và bổ sung, làm giàu cơ sở lý luận về chính sách kinh tế của Nhà nước địa phương cấp tỉnh, thành phố) hỗ trợ DN nâng cao NLCT từ Khái niệm, nội dung, vai trò, các tiêu chí đánh giá, quy trình xây dựng, ban hành chính sách kinh tế của Nhà nước hỗ trợ DN nâng cao NLCT trên quan điểm nhà nước kiến tạo, vì sự phát triển và thành công của doanh nghiệp.

- Về thực tiễn:

Thứ nhất: Phân tích, đánh giá một cách sâu sắc về thực tiễn chính sách kinh tế của Nhà nước hỗ trợ DN trên địa bàn Hải Phòng nâng cao NLCT (Kết quả, tồn tại, nguyên nhân).

Thứ hai: Đề xuất giải pháp hoàn thiện một số chính sách kinh tế của Nhà nước hỗ trợ DN trên địa bàn Hải Phòng nâng cao NLCT trong giai đoạn 2020-2025 định hướng 2030. Các giải pháp không chỉ được sử dụng với Hải Phòng mà còn là

cơ sở khoa học, là những tài liệu để tham khảo trong giảng dạy, NCKH và vận dụng với các địa phương có quy mô và điều kiện tương đồng.

3. Kết cấu của luận án

Kết cấu của luận án gồm: Mở đầu, kết luận và 4 chương

Chương 1: Tổng quan các công trình đã nghiên cứu về những vấn đề liên quan đến luận án.

Chương 2: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về chính sách kinh tế của Nhà nước tác động hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh.

Chương 3: Thực trạng chính sách kinh tế của Nhà nước hỗ trợ DN trên địa bàn thành phố Hải Phòng nâng cao NLCT.

Chương 4: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách kinh tế của Nhà nước địa phương Hải Phòng hỗ trợ DN nâng cao năng lực cạnh tranh đến năm 2025 tầm nhìn 2030.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH

1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố liên quan đến chính sách kinh tế của Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh

Chính sách kinh tế Nhà nước là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong điều hành hoạt động của các quốc gia. Bởi vậy, trên thực tế đã có khá nhiều các nghiên cứu về vai trò của chính sách kinh tế Nhà nước.

Adam Smith –đã đưa ra thuyết” bàn tay vô hình” và “nguyên lý Nhà nước không can thiệp vào hoạt động của nền kinh tế”. J M Keynes đã đưa ra lý thuyết Nhà nước điều tiết nền kinh tế thị trường. Theo trường phái Keynes Nhà nước can thiệp vào kinh tế ở cả tầm vĩ mô và vi mô. Paul Samuelson lại cho rằng: “điều hành một nền kinh tế không có cả chính phủ lẫn thị trường cũng như định vớ tay

bằng một bàn tay” [33]. Cơ chế thị trường xác định giá cả và sản lượng trong nhiều lĩnh vực, trong đó có cả chính phủ điều tiết kinh tế thị trường bằng các chương trình thuế, chi tiêu và luật lệ.

Mặc dù, đã có nhiều nghiên cứu, tuy nhiên, các nghiên cứu phần lớn tập trung ở chính sách quốc gia, cấp ngành và có sự khác biệt về đặc điểm và điều kiện nghiên cứu cũng như chưa có nghiên cứu nào về các nhân tố tác động, mối quan hệ giữa CSKT với NLCT của DN theo hướng tiếp cận từ tác động bởi chính sách kinh tế của Nhà nước.

GS. TS. Nguyễn Minh Thuyết, định nghĩa: Chính sách là đường lối cụ thể của một chính đảng hoặc một chủ thể quyền lực về một lĩnh vực nhất định cùng các biện pháp, kế hoạch thực hiện đường lối ấy. GS TS Nguyễn Duy Gia 1998), trong đề tài khoa học cấp Nhà nước-mã số 95-98-055/056 đã đưa ra khái niệm “Chính sách công là một tập hợp các quyết định hành động của Nhà nước nhằm giải quyết một vấn đề đang đặt ra trong đời sống kinh tế xã hội theo mục đích xác định” cũng như “Chính sách công là một quá trình do nhiều người, nhiều tổ chức tham gia. Việc đề ra và thực thi chính sách công cũng như việc phân tích và đánh giá chính sách công là việc chung của nhiều người, nhiều tổ chức”[37].

Trong đề tài khoa học cấp nhà nước của CIEM “Cơ sở khoa học cho việc định hướng chính sách và các giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế” đã khẳng định “Nội dung các chính sách hướng đến: đảm bảo quyền tự chủ của người sản xuất và người tiêu dùng; tạo điều kiện cho việc dịch chuyển nguồn lực đến những nơi có hiệu quả cao nhất; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp có thể phản ứng linh hoạt đối với những biến động của thị trường và tiến bộ khoa học công nghệ; thúc đẩy đổi mới (công nghệ, sản phẩm, kênh tiêu thụ và sản xuất); đảm bảo năng lực cạnh tranh lâu bền và phù hợp với tình hình thực tiễn Việt Nam và các cam kết quốc tế”.

Các nghiên cứu chưa đề cập nhiều đến quá trình thực thi chính sách cũng như việc xây dựng, ban hành, thực hiện chính sách ở cấp địa phương (cấp tỉnh, thành phố) cũng như mối quan hệ của các chính sách cụ thể ở cấp địa phương tác động đến việc nâng cao NLCT cho DN. Đây cũng là khoảng trống để tác giả lựa chọn đề tài nghiên cứu Luận án tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.

Có thể khẳng định rằng mặc dù có nhiều nghiên cứu, những sách báo, bài viết và đề tài nghiên cứu khoa học về chính sách kinh tế Nhà nước hỗ trợ DN nâng cao năng lực cạnh tranh. Các góc độ đã được nghiên cứu và trình bày cũng rất đa dạng và khá đầy đủ trên các lĩnh vực NLCT của DN, chính sách kinh tế Nhà nước hỗ trợ nâng cao NLCT cho DN, các loại chính sách, nội dung và quan điểm tiếp cận nhưng chưa có công trình nào có đối tượng nghiên cứu và khách thể nghiên cứu trực diện về hoàn thiện chính sách kinh tế Nhà nước hỗ trợ DN nâng cao năng lực cạnh tranh trên địa bàn Hải Phòng đến năm 2025 định hướng 2030 và đề tài nghiên cứu không trùng lặp với các công trình nghiên cứu đã công bố.

1.2. Mục tiêu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận án được thực hiện với một số mục tiêu như: Góp phần làm rõ hơn, làm giàu, phong phú thêm những vấn đề chủ yếu về lý luận và thực tiễn gắn với NLCT, chính sách kinh tế của Nhà nước địa phương (cấp tỉnh) hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao NLCT. Tổng hợp và khái quát hóa kinh nghiệm của một số địa phương trong và ngoài nước về ban hành các chính sách kinh tế hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao NLCT. Bên cạnh đó luận án cũng phân tích thực trạng NLCT của các doanh nghiệp và các chính sách kinh tế của Hải Phòng hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao NLCT giai đoạn 2005-2017. Cuối cùng, luận án đưa ra một số đề xuất xây dựng các quan điểm định hướng và các giải pháp hoàn thiện chính sách kinh tế của Hải Phòng hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao NLCT.

Với mục tiêu kể trên, luận án tập trung vào các đối tượng nghiên cứu đó là CSKT của Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp của Hải Phòng nâng cao NLCT. Tập

trung vào các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ giảm chi phí cho doanh nghiệp như: Chính sách tiếp cận vốn; tiếp cận đất đai; hỗ trợ KHVCN; hỗ trợ đào tạo nhân lực; hỗ trợ tiếp cận thị trường. Khách thể nghiên cứu là DN và NLCT của doanh nghiệp Hải Phòng (Tác giả chỉ tập nghiên cứu với các doanh nghiệp trên địa bàn do UBND thành phố quản lý). Chủ thể là chính sách kinh tế và chính quyền thành phố Hải Phòng.

Luận án cũng được nghiên cứu trong phạm vi như sau:

- Về mặt không gian: Địa bàn nghiên cứu là thành phố Hải Phòng
- Về mặt thời gian:
 - Số liệu, các tư liệu nghiên cứu thu thập trong giai đoạn 2005-2017.
 - Phần đề xuất giải pháp hoàn thiện CSKT Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn Hải Phòng nâng cao NLCT giai đoạn 2020-2025.

1.3. Cách tiếp cận nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Khung lý thuyết nghiên cứu: Khung lý thuyết nghiên cứu luận án dựa trên các lý thuyết về sự can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế (trường phái Keynes, Sammusel, lý thuyết về sự phân quyền, phân cấp trong quản lý Nhà nước (phân chia quyền hạn TW và địa phương), lý thuyết về cạnh tranh (Michel Porter) và mối quan hệ giữa chính sách kinh tế và việc nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp (CSKT được đánh giá là nhân tố quan trọng tác động đến NLCT của DN), việc áp dụng các lý thuyết đó vào phân tích, đánh giá hiện trạng cũng như làm cơ sở để đề xuất các giải pháp hoàn thiện CSKT của Nhà nước hỗ trợ DN trên địa bàn Hải Phòng nâng cao NLCT.

Khung phân tích của luận án thể hiện mối liên hệ biện chứng giữa những vấn đề lý thuyết và khảo sát đánh giá thực tiễn về NLCT, CSKT của Nhà nước hỗ trợ DN trên địa bàn Hải Phòng nâng cao NLCT (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức) cũng như dựa trên định hướng sự phát triển của Hải Phòng giai đoạn 2020-2025 để đề ra các giải pháp hoàn thiện chính sách kinh tế của Nhà nước hỗ trợ DN trên địa bàn Hải Phòng nâng cao NLCT.

Để đáp ứng yêu cầu nghiên cứu của luận án, tác giả đã sử dụng các cách thu thập số liệu thông tin như sau:

- Thu thập các số liệu thứ cấp qua Niên giám thống kê, các tài liệu điều tra về doanh nghiệp hàng năm của cục Thống kê, các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học, các đề án quy hoạch, các chương trình phát triển của thành phố trong thời kỳ nghiên cứu.

- Các nghiên cứu, đánh giá của các cơ quan Trung ương về môi trường đầu tư, kinh doanh, chỉ số PCI với Hải Phòng.

- Phương pháp thống kê, phân tích tổng hợp, mô hình toán, so sánh, đối chứng và logic: Được tác giả sử dụng để thống kê, thu thập số liệu, xử lý các số liệu đầu vào, phân tích, đánh giá thực trạng và lựa chọn các tiêu chí cơ bản.

- Phương pháp phân tích ma trận SWOT.

- Phương pháp phân tích các chỉ số.

- Phương pháp chuyên gia.

Ngoài các phương án đã nêu trên tác giả còn sử dụng tổng hợp một số phương pháp như: dự báo, phương pháp tổng kết và phân tích kinh nghiệm nhằm đánh giá toàn diện cả về chiều rộng và chiều sâu để từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện CSKT của Nhà nước hỗ trợ DN trên địa bàn Hải Phòng nâng cao NLCT giai đoạn 2020-2025 định hướng 2030.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ CHÍNH SÁCH KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH

2.1. Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và vai trò của Nhà nước đối với việc nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế

Cạnh tranh là một trong những đặc trưng cơ bản của kinh tế thị trường. Cạnh tranh có thể được hiểu là sự “ganh đua”, “tranh đua” giữa các DN trong việc dành một nhân tố sản xuất hoặc khách hàng nhằm nâng cao vị thế, ưu thế của mình trên thị trường. Thực tế có rất nhiều cách hiểu về cạnh tranh:

Khái niệm cạnh tranh tác giả sử dụng trong luận văn chủ yếu trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và được hiểu: “Cạnh tranh là mối quan hệ kinh tế giữa các chủ thể ganh đua, đấu tranh, tìm mọi biện pháp, nghệ thuật, thủ đoạn để giành lấy khách hàng cũng như các điều kiện sản xuất, kinh doanh, phục vụ có lợi nhất nhằm tối đa hóa lợi nhuận, lợi ích cho doanh nghiệp và cá nhân”.

Năng lực cạnh tranh(NLCT) được hiểu là khả năng giành chiến thắng trong sự ganh đua giữa các chủ thể trong cùng một môi trường và khi cùng quan tâm tới một đối tượng. Trên giác độ kinh tế, NLCT được xem xét ở các góc độ khác nhau như NLCT quốc gia, NLCT doanh nghiệp, NLCT của sản phẩm.

Có thể thấy rằng, khái niệm NLCT của doanh nghiệp đã được rất nhiều tác giả trong nước và quốc tế đưa ra, ở những thời điểm và mức độ khác nhau làm cơ sở để xem xét và đánh giá với các DN. Tuy nhiên, các tác giả trên đều chưa đề cập sâu đến NLCT trong mối quan hệ với khách hàng, người tiêu dùng và sự hài lòng, thỏa mãn của người tiêu dùng. Từ những nghiên cứu, tổng kết trên và kinh nghiệm thực tế, trong luận án tác giả thống nhất hiểu: “NLCT của doanh nghiệp là tổng hợp năng lực nắm giữ và nâng cao thị phần trong sản xuất, kinh doanh, cung ứng, phục vụ khách hàng với mức độ có thể đạt được hiệu quả cao nhất trong một giai đoạn, thời kỳ nhất định.”

Các yếu tố cấu thành NLCT của DN cụ thể như sau:

- (i). *Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.*
- (ii). *Giá cả hàng hóa và dịch vụ.*
- (iii). *Mức độ thỏa mãn và sự hài lòng của khách hàng.*

Để đo lường NLCT của DN, thực tế có thể sử dụng nhiều tiêu chí đánh giá,

tuy nhiên theo cách tiếp cận QTKD, các tiêu chí cơ bản được lựa chọn là thị phần của DN, thương hiệu, hình ảnh và danh tiếng của DN...Ngoài các tiêu chí trên, người ta còn sử dụng một số tiêu chí khác để đánh giá NLCT của DN.

(i). *Thị phần của doanh nghiệp*

(ii). *Hình ảnh và danh tiếng thương hiệu*

(iii). *Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp*

Vai trò của Nhà nước đối với việc nâng cao năng lực cạnh tranh của DN trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế

- Lý thuyết của Adam Smith. Adam Smith – Thị trường điều tiết.

- Lý thuyết J M Keynes: Theo quan điểm J M Keynes Nhà nước phải can thiệp vào nền kinh tế, can thiệp vào thị trường, cần có sự can thiệp của Nhà nước vào quá trình hoạt động của nền kinh tế, điều tiết nền kinh tế và đã đưa ra lý thuyết Nhà nước điều tiết nền kinh tế thị trường.

- Lý thuyết của Samuelson - Nổi bật là quan điểm kinh tế hỗn hợp, Paul Samuelson cho rằng “điều hành một nền kinh tế mà không có Chính phủ thì cũng như định “vỗ tay bằng một bàn tay” [35]

Mối quan hệ giữa trung ương và địa phương là một vấn đề chính trị - pháp lý, liên quan đến việc xác định hình thức nhà nước và nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước trong mô hình nhà nước tương ứng.

Phân cấp quản lý nhà nước là sự phân định thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cấp chính quyền trên cơ sở bảo đảm sự phù hợp giữa khối lượng và tính chất thẩm quyền với năng lực và điều kiện thực tế của từng cấp nhằm tăng cường chất lượng, hiệu lực và hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước.

Vấn đề đặt ra là cần định rõ phạm vi hoạt động của mỗi cấp chính quyền nhà nước. Từ đó, mối quan hệ giữa trung ương và địa phương, xét về bản chất, thể hiện ở việc phân cấp quản lý nhà nước, có nghĩa là phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước trung ương với các cơ quan nhà nước ở địa phương mà

trước hết là cấp tỉnh.

2.2. Chính sách kinh tế của Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao NLCT

Chính sách được hiểu là công cụ, là biện pháp can thiệp của nhà nước vào một ngành, một lĩnh vực hay toàn bộ nền kinh tế theo những mục tiêu nhất định, với những điều kiện thực hiện nhất định và trong một thời hạn xác định.

Trên cơ sở những khái niệm chung về CSKT của Nhà nước để đáp ứng yêu cầu nghiên cứu CSKT của chính quyền địa phương trong luận án, tác giả mạnh dạn đề xuất và thống nhất sử dụng khái niệm: “*Chính sách kinh tế của Nhà nước địa phương hỗ trợ DN là định hướng, giải pháp của Chính quyền để giải quyết vấn đề đặt ra và nhằm đạt được mục tiêu phát triển và nâng cao NLCT cho DN phù hợp với đặc điểm, nguồn lực và thẩm quyền địa phương*”.

Vai trò của chính sách kinh tế hỗ trợ doanh nghiệp

- (i) Vai trò định hướng, dẫn dắt.
- (ii) Vai trò điều tiết.
- (iii) Vai trò tạo tiền đề cho sự phát triển.
- (iv) Vai trò khuyến khích sự phát triển.

Các chính sách tác động đến NLCT của DN rất đa dạng, phong phú, tuy nhiên căn cứ điều kiện cụ thể hiện nay của Việt Nam và Hải Phòng, trong khuôn khổ của luận án, tác giả tập trung nghiên cứu một số chính sách của Nhà nước có tác động quan trọng đến việc nâng cao NLCT theo thứ tự sắp xếp sau:

- (i). *Chính sách hỗ trợ về vốn, tín dụng, thuế*
- (ii). *Chính sách hỗ trợ về tiếp cận đất đai*
- (iii). *Chính sách hỗ trợ về khoa học công nghệ*
- (iv). *Chính sách hỗ trợ đào tạo nhân lực, lao động*
- (v). *Chính sách hỗ trợ mở rộng thị trường*

Các tiêu chí đánh giá chính sách kinh tế của Nhà nước

Tùy thuộc vào đối tượng, mục tiêu, chủ thể đánh giá, chính sách có thể xây dựng, lựa chọn và sử dụng các tiêu chí khác nhau. Trong luận án, tác giả đề xuất sử dụng 5 tiêu chí cho đánh giá chính sách kinh tế của Nhà nước như sau:

- Tính hiệu lực.
- Tính hiệu quả.
- Tính công bằng.
- Tính bền vững của chính sách.
- Sự phù hợp của chính sách.

2.3. Yếu tố ảnh hưởng đến chính sách kinh tế của Nhà nước hỗ trợ DN nâng cao NLCT

Chính sách kinh tế của Nhà nước dù ở cấp Trung ương hay của địa phương sẽ phải chịu sự tác động của rất nhiều yếu tố theo hướng tích cực hay tiêu cực, trực tiếp hay gián tiếp, ở phạm vi rộng hay hẹp

2.3.1. Yếu tố khách quan.

(i) Sự biến động của kinh tế toàn cầu và mức độ hội nhập kinh tế quốc tế của mỗi quốc gia.

(ii) Vị trí địa lý, địa kinh tế của mỗi quốc gia và địa phương.

(iii) Trình độ phát triển và năng lực của đội ngũ DN của mỗi quốc gia cũng như doanh nghiệp trên địa bàn địa phương.

2.3.2. Yếu tố chủ quan.

(i) Sự ổn định chính trị, môi trường kinh tế vĩ mô, cam kết của Chính phủ.

(ii) Trình độ, năng lực quản lý của bộ máy Nhà nước và đội ngũ công chức.

(iii) Nguồn lực, nguồn lực tài chính của mỗi quốc gia và địa phương.

2.4. Kinh nghiệm quốc tế và trong nước về chính sách kinh tế của Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao NLCT và bài học cho thành phố Hải Phòng

Kinh nghiệm của Singapore

Chính phủ Singapore đã có nhiều chính sách đổi mới, trong đó phải kể đến những chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, tạo điều kiện cho khu vực kinh tế này phát triển. Việc hỗ trợ của Chính phủ không chỉ dành cho các doanh nghiệp trong nước mà còn tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho cả doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Singapore khi họ đến đăng ký kinh doanh ở đây.

Kinh nghiệm của Thành phố Thâm Quyển (Trung Quốc)

Thành công của Thâm Quyển được đánh giá là thành công của “cơ chế, chính sách” của nhà nước cho phát triển địa phương. Để xây dựng Thâm Quyển, chính phủ Trung quốc chỉ “cho thể chế, không cho tiền”. Nguồn vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng của đặc khu Thâm Quyển- chính là đất đai- “Kho vàng ở dưới chân ta”.

Kinh nghiệm Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố luôn quan tâm, tạo ra một hệ thống cơ chế chính sách thông thoáng, hỗ trợ cho DN về vốn, lao động, thị trường, hội nhập quốc tế, đổi mới công nghệ, thông tin kinh tế, tạo ra sự công bằng trong việc tiếp cận nguồn vốn, quỹ đất, nhà xưởng, lao động, thị trường, chính sách thuế.

Kinh nghiệm của thành phố Đà Nẵng

Đà Nẵng là một ví dụ điển hình của cách thức phát triển đô thị dựa chủ yếu vào nguồn lực đất đai. Thành phố ban hành một số chính sách nhằm tập trung thu các khoản thu ngân sách, thu nợ tiền SDD, tăng thu thuế XNK, thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT, phát triển hạ tầng CNTT đồng bộ và hiện đại, dụng CNTT trong các lĩnh vực, tích cực đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đủ mạnh để bắt kịp đà tăng trưởng.

Các bài học cho Hải Phòng

Những bài học thành công

(i) Chủ động trong việc xây dựng và hoạch định các chính sách của địa phương cho phát triển kinh tế xã hội:

(ii) Thường xuyên lắng nghe và lựa chọn đúng những vấn đề mà doanh nghiệp, người dân vướng mắc trong thực tiễn và là điểm đòn bẩy trong phát triển để đề ra chính sách

(iii) Bố trí đủ nguồn lực để thực hiện cơ chế chính sách

(iv) Chủ động nghiên cứu, tổng kết các chương trình, chính sách đã ban hành

(v) Hải Phòng cần có sự chỉ đạo phối hợp tốt giữa các sở, ban ngành, quận huyện trong quá trình xây dựng, ban hành và thực hiện chính sách của thành phố một cách cụ thể: Rõ người, rõ việc rõ trách nhiệm, rõ kết quả.

Những bài học không thành công

(i). Không ban hành, thực hiện các chính sách vượt thẩm quyền.

(ii). Không để lợi ích nhóm can thiệp, chi phối chính sách (cơ chế xin cho...).

(iii). Khắc phục tình trạng sao chép, áp dụng máy móc, dập khuôn chính sách của các địa phương trong và ngoài nước vào thực hiện ở địa bàn.

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG CÁC CHÍNH SÁCH KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC TÁC ĐỘNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH

3.1. Khái quát đặc điểm phát triển kinh tế xã hội và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Thực trạng phát triển của doanh nghiệp Hải Phòng từ năm 2005-2017

(i) Tăng trưởng về số lượng doanh nghiệp.

(ii) Phát triển về quy mô doanh nghiệp.

(iii) Thay đổi về cơ cấu doanh nghiệp.

3.1.2. Phân tích thực trạng năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trên địa bàn Hải Phòng từ năm 2005- 2017

3.1.2.1 Thị phần và năng lực chiếm lĩnh thị trường

Trong giai đoạn 2005- 2017, các doanh nghiệp Hải Phòng quan tâm chú trọng khả năng chiếm lĩnh thị trường. Cụ thể:

- Trên thị trường nội địa.
- Trên thị trường quốc tế.

Lợi nhuận của doanh nghiệp và tỷ suất lợi nhuận tăng trưởng ổn định.

Sự hài lòng của khách hàng ngày càng được cải thiện gia tăng.

Hình ảnh, danh tiếng của doanh nghiệp được nâng cao trong nước và quốc tế.

3.2. Phân tích thực trạng chính sách kinh tế của Nhà nước hỗ trợ DN trên địa bàn thành phố Hải Phòng nâng cao NLCT

Để thúc đẩy phát triển DN, nâng cao năng lực cạnh tranh cho DN trong giai đoạn 2005-2017, thành phố đã ban hành khá nhiều chính sách kinh tế hỗ trợ trực tiếp cho DN. Các chính sách đã cụ thể hóa các quy định liên quan của Chính phủ, góp phần tạo lập hành lang pháp lý quan trọng đối với sự phát triển của DN trên địa bàn và hỗ trợ các DN phát triển. Tuy nhiên, trong khuôn khổ luận án, tác giả chỉ đề cập đến các chính sách cụ thể hỗ trợ DN nâng cao NLCT trên các lĩnh vực chính.

Phân tích các nhóm chính sách hỗ trợ tiếp cận vốn, tín dụng và thuế

Phân tích các nhóm chính sách hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh

Phân tích các nhóm chính sách hỗ trợ về khoa học công nghệ

Phân tích các nhóm chính sách hỗ trợ xúc tiến, mở rộng thị trường

Phân tích các nhóm chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

3.3. Đánh giá chung thực trạng hoạch định, thực hiện chính sách kinh tế của Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng nâng cao năng lực cạnh tranh

- Các chính sách hỗ trợ DN về tài chính, tín dụng, cơ cấu lại vốn, hỗ trợ lãi suất, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đã hỗ trợ, chia sẻ khó khăn với DN, để tiếp tục vực dậy sản xuất kinh doanh trong cộng đồng DN nhất là sau thời kỳ khó khăn vì khủng hoảng kinh tế thế giới, khu vực tác động đến các DN Hải Phòng, chính sách thuế tiếp tục được triển khai theo hướng khoan hồng, giãn thuế, rút ngắn thời gian hoàn thuế...

- Tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là mảng chính sách được các DN quan tâm nhất và thành phố dành nhiều nguồn lực nhất. Nhờ việc rút ngắn thời gian, đơn giản hóa thủ tục cấp đất, xác định giá đất, tiền thuê đất đã giúp trên 60% các doanh nghiệp có GCN QSD đất, tài sản trên đất trên cơ sở đó tạo điều kiện tiếp cận vay vốn của ngân hàng, các tổ chức tín dụng hoặc huy động vốn thuận tiện hơn.

- Những chính sách hỗ trợ về khoa học công nghệ đã giúp các DN đổi mới công nghệ, trang thiết bị trên cơ sở đó nâng cao NSLĐ, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, kết nối cung – cầu trên cơ sở đó nâng cao NLCT.

- Cùng với việc hỗ trợ nâng cao chất lượng lao động đào tạo nghề, hoạt động đào tạo nâng cao năng lực quản trị cho các doanh nghiệp (Giám đốc, kế toán trưởng...) đã được đưa vào kế hoạch hàng năm của thành phố và dành nguồn ngân sách hợp lý để trang bị các kiến thức có hệ thống, giúp DN tự tin trong kinh doanh, xây dựng chiến lược kinh doanh với tầm nhìn dài hạn và bền vững, nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Chương trình xúc tiến thương mại, hỗ trợ mở rộng thị trường đã thu hút được sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp, tổ chức hiệp hội ngành nghề và đã mở rộng thị trường xuất khẩu của thành phố ra gần 100 quốc gia, vùng lãnh thổ.

Đánh giá kết quả ban hành và thực thi các CSKT của Nhà nước với việc nâng cao NLCT của DN trên địa bàn Hải Phòng

Kể từ thời điểm ban hành, đã có những tác động đáng kể của chính sách tới môi trường kinh doanh tại Hải Phòng, Số lượng DN tăng cả về số lượng và chất lượng, Giá trị sản xuất công nghiệp của Hải Phòng tăng nhanh, lưu chuyển hàng hóa bán lẻ tăng nhanh và ổn định, bên cạnh đó kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh, mặt hàng và thị trường xuất khẩu được mở rộng

3.3.3. Những hạn chế và nguyên nhân

Những tồn tại, hạn chế chung

- (i) Hạn chế về đối tượng tác động của chính sách
- (ii) Quy trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt, ban hành, triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chưa tuân theo quy trình thống nhất, thời gian lại quá dài.
- (iii) Thiếu nguồn lực tài chính để thực hiện chính sách.
- (iv) Chính sách còn chung chung, định tính, thiếu quy định cụ thể, định lượng.
- (v) Thiếu chủ động trong việc ban hành chính sách.
- (vi) Chồng chéo, thiếu nhất quán.

Nguyên nhân khách quan

- (i) Việc chậm ban hành các Nghị định của Chính phủ, thông tư của các bộ ngành Trung ương để thực hiện luật, các chương trình, kế hoạch của trung ương hướng dẫn địa phương.
- (ii) Một số chính sách hỗ trợ DN phải chịu sự điều chỉnh của nhiều quy định pháp luật chuyên ngành trong lĩnh vực đất đai, đấu thầu, đầu tư, tài chính, lãi suất, nhà ở... lại thiếu thống nhất từ các bộ, ngành Trung ương nên địa phương khó có thể quy định chi tiết, chính xác, cụ thể các chính sách ưu đãi riêng cho DN của địa phương, do vậy nhóm những chính sách này không thể thực hiện có hiệu quả.

(iii) Có những chính sách hỗ trợ doanh nghiệp do chính phủ, bộ ngành Trung ương ban hành nhưng lại sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN địa phương hoặc không rõ nguồn ngân sách, hoặc ngân sách địa phương eo hẹp.

Nguyên nhân chủ quan gây ra hạn chế.

(i) Chưa có quy trình thống nhất, hợp lý trong hoạt động ban hành và triển khai chính sách kinh tế của thành phố từ khâu lựa chọn, lập đề án, thẩm định, phê duyệt và triển khai chính sách.

(ii) Sự không phù hợp và không rõ ràng của một số chính sách, trong nhiều trường hợp những hỗ trợ quá chung chung, mơ hồ, không rõ ràng, và không đáp ứng được yêu cầu của DN cũng như chưa lấy ý kiến cộng đồng DN trước khi ban hành.

(iii) Thiếu sự phối hợp liên ngành, các cấp.

(iv) Thiếu chủ động trong hoạch định, ban hành chính sách.

(v) Thiếu tầm nhìn, thiếu trọng tâm và xác định thứ tự ưu tiên trong hoạch định chính sách, đặc biệt là ở cấp thành phố.

(vi) Chưa đảm bảo yêu cầu khách quan trong xây dựng và ban hành chính sách.

(vii) Thành phố chưa thường xuyên tổ chức đánh giá, tổng kết các chính sách được ban hành để hoàn thiện, bổ sung cho phù hợp.

(viii) Hải Phòng chưa có cơ chế điều phối chung cho hoạt động hỗ trợ DN, DNNVV giữa các cơ quan, tổ chức và đơn vị có liên quan xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương.

(ix) Chưa có bộ phận chuyên môn mang tính chuyên nghiệp làm nhiệm vụ nghiên cứu chính sách, tư vấn hỗ trợ giúp đỡ doanh nghiệp.

(x) Nguồn kinh phí của thành phố để thực hiện một số chính sách hỗ trợ cho DN còn hạn chế

(xi) Hiệu lực và hiệu quả trong việc thực thi chính sách chưa cao, một số chính sách chuẩn bị rất kỹ nhưng khi ban hành các đối tượng hưởng chính sách không quan tâm.

CHƯƠNG 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG HẢI PHÒNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐẾN NĂM 2025 TẦM NHÌN 2030.

4.1. Bối cảnh và một số dự báo một số yếu tố ảnh hưởng đến CSKT của nhà nước hỗ trợ DN nâng cao NLCT đến năm 2025 tầm nhìn 2030.

Định hướng phát triển doanh nghiệp Hải Phòng đến năm 2030

Từ thực tại phát triển doanh nghiệp của Hải Phòng giai đoạn 2005-2015 cũng như yêu cầu đặt ra với Hải Phòng trong sự phát triển đến 2025 định hướng 2030, dự báo số doanh nghiệp cần và có thể phát triển đến năm 2030 như sau:

Biểu số 4.5: Dự báo sự phát triển các doanh nghiệp Hải Phòng đến 2025 và 2030

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2025	2030
1	Số DN đăng ký (Lũy kế)	Nghìn	40	43	40	45	60
2	Số DN hoạt động	DN	22	25	33	42	53

Nguồn: Kế hoạch số 247/KH-UBND thực hiện NQ 10-NQ/TW về phát triển KTTN

Phần đầu đóng góp của khu vực DN tư nhân vào tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt 51-53% vào năm 2020, 55-56% vào năm 2025 và đạt 60-65% vào năm 2030.

4.2. Quan điểm, phương hướng, mục tiêu hoàn thiện CSKT của Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh.

(i) Cần phải có sự đổi mới mạnh mẽ, thay đổi cả tư duy lẫn cách hành xử với doanh nghiệp.

(ii) Không phân biệt loại hình, thành phần kinh tế trong cơ hội tiếp cận các nguồn lực như vốn, tài nguyên, đất đai và đầu tư kinh doanh.

(iii) Các chính sách hỗ trợ phải nhằm tạo điều kiện cho các DN khởi nghiệp, phát triển và nâng cao NLCT, đúng với thẩm quyền của địa phương, không sao chép, không trái với những quy định hiện hành của Luật pháp.

(iv) Các chính sách ban hành phải đảm bảo tính khoa học, pháp lý, chặt chẽ, logic, thống nhất, công khai, dễ thực hiện; phù hợp với nguồn lực (đặc biệt nguồn lực về tài chính) để đảm bảo tính khả thi, đảm bảo chính sách đi vào cuộc sống và mang lại hiệu quả rõ rệt, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải.

(v) Các CSKT ban hành không vi phạm, mâu thuẫn, chông chéo với các cam kết quy định trong hội nhập quốc tế cũng như các quy định của kinh tế thị trường, Luật và các quy định của Chính phủ. Không để lợi ích “nhóm”, cơ chế “xin-cho”, thiếu minh bạch trong xây dựng, quyết định và thực hiện chính sách

(vi) Với khối doanh nghiệp nhỏ và vừa cần có cơ chế, chính sách xuyên suốt, ổn định để có thể tự cạnh tranh bằng thực lực trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

(vii) Thiết lập đồng bộ các chính sách, chương trình hỗ trợ trên cơ sở hỗ trợ có chọn lọc, phù hợp với mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế của đất nước, lợi thế so sánh của từng ngành, từng cấp; đảm bảo các yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài và phát triển bền vững.

4.3. Nhóm giải pháp hoàn thiện nội dung CSKT của Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao NLCT.

Hoàn thiện chính sách hỗ trợ DN về tài chính, tín dụng, thuế : Chính sách ưu đãi trong các khoản thu, rà soát các khoản phí có liên quan trực tiếp đến chi phí của doanh nghiệp để xem xét giảm mức phí, chi phí đầu vào cho DN. Chính sách ưu tiên trong cho vay, tạo hành lang, điều kiện tối đa cho vay với ưu đãi, lãi suất thấp đối với các DN trong lĩnh vực ít hấp dẫn, rủi ro cao, thu hồi vốn chậm nhưng có giá trị lâu dài cho việc phát triển kinh tế - xã hội. Các chính sách hỗ trợ trong việc hoàn thuế: đổi mới cơ chế và quy định giảm thời gian và đơn giản hóa thủ tục hoàn thuế GTGT, Thuế xuất nhập khẩu để các doanh nghiệp tận dụng vốn đầu tư kinh doanh. Các điều tiết cần thiết tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong mối quan hệ với ngân hàng.

Hoàn thiện chính sách hỗ trợ DN về tiếp cận đất đai, mặt bằng sx-kd: Chủ động xây dựng, phê duyệt và công khai quy hoạch, kế hoạch SDD đến năm 2025 hướng đến 2030. Công khai hóa các quy hoạch, quy hoạch sử dụng đất. Đơn giản hóa và đẩy nhanh quá trình cấp GCN QSDĐ, tài sản trên đất cho các DN để có mặt bằng phát triển sản xuất, kinh doanh. Cải cách thủ tục hành chính và công khai, minh bạch trong giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Chủ động trong việc xây dựng và ban hành các chính sách hỗ trợ đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư, tạo việc làm cho người dân khi bị thu hồi đất. Dành từ 30-50% tiền trong Quỹ phát triển đất để thực hiện việc đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư. Ban hành cơ chế sử dụng vốn ngân sách để hỗ trợ, khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, nhà ở cho công nhân.

Hoàn thiện chính sách hỗ trợ DN về khoa học công nghệ: Hình thành và đưa vào hoạt động Quỹ đổi mới công nghệ để tập trung đầu tư hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa tìm kiếm, hoàn thiện, đổi mới và chuyển giao công nghệ. Đảm bảo tỷ lệ chi, chi hết và chi có hiệu quả mức 2% trên tổng vốn đầu tư công hàng năm cho KH-CN.

Hoàn thiện chính sách hỗ trợ DN đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Cụ thể, các chính sách cần

hướng vào. Đẩy mạnh xã hội hoá để tăng cường huy động các nguồn vốn cho phát triển nhân lực. Cần quy định trách nhiệm của DN đối với sự phát triển nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi và có cơ chế, chính sách mạnh để DN thuộc mọi thành phần kinh tế tăng đầu tư phát triển nhân lực. Tổ chức lại mạng lưới đào tạo, đào tạo nghề trên địa bàn thành phố cả về quy mô đào tạo, cơ cấu ngành nghề, cơ sở đào tạo. Khuyến khích các trường Đại học, cao đẳng liên thông, liên kết với nước ngoài, mời gọi các đại học quốc tế đặt chi nhánh. Quan tâm hỗ trợ kinh phí đào tạo phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý giỏi, đội ngũ chuyên gia, quản trị DN giỏi, lao động lành nghề; chú trọng đào tạo lại thông qua các chương trình đào tạo ngắn hạn; chú trọng phát triển các Trung tâm dạy nghề, dạy kỹ năng, trường đào tạo cạnh DN.

Hoàn thiện chính sách hỗ trợ DN xúc tiến và mở rộng thị trường: Hình thành các trung tâm cung cấp thông tin, dự báo trung hạn, dài hạn về các ngành, các sản phẩm ở trong và ngoài nước. Đổi mới các hoạt động xúc tiến thương mại, coi trọng mở rộng thị trường trong nước và hỗ trợ, giúp đỡ DN tiếp cận thị trường khu vực và thị trường quốc tế. rà soát các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm để điều chỉnh, bổ sung hoặc loại bỏ cho phù hợp với điều kiện thị trường và quyền kinh doanh của DN.

4.4. Nhóm giải pháp để triển khai thực hiện CSKT của Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ DN khởi nghiệp, DN đổi mới sáng tạo
- Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng
- Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp
- Cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp
- Tăng cường công khai hóa, giảm chi phí trong việc cung cấp thông tin cho các DN hoạt động trên địa bàn thành phố.

- Tăng cường nguồn lực và hiệu suất các công cụ chính sách

4.5. Nhóm các khuyến nghị

Một số kiến nghị cụ thể với cơ quan Nhà nước trung ương.

(i) Cần nghiên cứu, chuẩn bị, ban hành đồng thời các văn bản dưới Luật (nghị định, thông tư hướng dẫn luật)

(ii) Tăng cường sự thống nhất, nhất quán trong các Luật, văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình, đề án của Trung ương, thông tư hướng dẫn thực thi pháp luật

(iii) Đẩy mạnh việc phân cấp cho chính quyền địa phương trong việc triển khai các chương trình, chính sách kinh tế ở cấp mình nhằm khai thác tối đa, triệt để lợi thế so sánh, tiềm năng, nguồn lực của địa phương cho sự phát triển

(iv) Quan tâm hỗ trợ các địa phương trong việc đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức trong hoạt động nghiên cứu, tham mưu, hoạch định cơ chế chính sách phát triển kinh tế xã hội cũng như chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.

(v) Nghiên cứu cơ chế, chính sách bộ máy điều hành kinh tế vùng nhằm khai thác tốt lợi thế so sánh của các địa phương

(vi) Đổi mới, nâng cao chất lượng trong việc thảo luận, tham gia ý kiến cộng đồng khi ban hành luật, các chương trình, chính sách. Tránh tình trạng lúc xin ý kiến thì nhất trí nhưng khi thực hiện lại thắc mắc, khiếu nại.

(vii) Chính phủ mà trực tiếp là Bộ KHĐT nghiên cứu phương án thành lập chi nhánh quỹ hỗ trợ DNNVV hoặc ủy quyền cho địa phương thực hiện một số nhiệm vụ của quỹ trên địa bàn để việc tiếp cận nguồn tín dụng này nhanh chóng, thuận tiện hơn.

Với chính quyền thành phố Hải Phòng

Với hiệp hội doanh nghiệp và hội ngành nghề

KẾT LUẬN

Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách kinh tế của Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao NLCT ở cấp quốc gia cũng như địa phương là một vấn đề mới, khó và khá phức tạp lại thường xuyên thay đổi theo tác động của kinh tế thế giới, kinh tế cả nước cũng như điều kiện cụ thể của từng địa phương. Từ mục đích của việc nghiên cứu, luận án đã giải quyết được những mục tiêu cơ bản đề ra

Luận án đã thu thập, tổng hợp, phân tích đánh giá thực trạng CSKT của Nhà nước của Hải Phòng hỗ trợ DN nâng cao NLCT. Trên cơ sở đó tìm ra những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân làm cơ sở cho việc đề xuất các định hướng và giải pháp hoàn thiện cơ chế, CSKT của Nhà nước hỗ trợ DN nâng cao NLCT.

Từ việc nghiên cứu có hệ thống cơ sở lý luận về CSKT của Nhà nước hỗ trợ DN nâng cao NLCT cũng như căn cứ vào thực tiễn và yêu cầu phát triển doanh nghiệp trong giai đoạn 2020-2030, luận án đề xuất phương hướng hoàn thiện CSKT của Nhà nước hỗ trợ DN nâng cao NLCT và giải pháp đối với chính quyền địa phương thành phố Hải Phòng. Các giải pháp nghiên cứu khá công phu, cụ thể và có thể áp dụng đối với chính quyền thành phố Hải Phòng trong việc hỗ trợ DN nâng cao NLCT thời kỳ đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Tuy nhiên, nghiên cứu CSKT của Nhà nước hỗ trợ DN nâng cao NLCT là một vấn đề rất rộng trong khi diễn biến kinh tế trong và ngoài nước biến động rất mạnh, tác động nhiều đến các chính sách kinh tế của mỗi địa phương. Việc đó đặt ra và đòi hỏi tác giả tiếp tục dành thời gian, công sức để nghiên cứu sâu và rộng hơn các chính sách và giải pháp bổ sung đặc biệt những tác động của cuộc cách mạng 4.0, việc phát triển của trí tuệ nhân tạo cũng như trong điều kiện chủ nghĩa “bảo hộ” có dấu hiệu phục hồi để giá trị khoa học và thực tiễn của luận án tốt hơn và có đóng góp thiết thực hơn cho cộng đồng DN cũng như chiến lược phát triển của thành phố Hải Phòng trong giai đoạn tới.